

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		332,953,316,100	249,800,685,539
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		82,437,588	1,182,715,514
1. Tiền	111	IV.01	82,437,588	1,182,715,514
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	IV.02	112,784,712	107,400,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		112,784,712	107,400,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		240,621,990,380	177,834,056,474
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.03	74,912,512,891	52,505,966,613
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	IV.04	165,615,314,075	125,142,964,673
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	IV.05a	94,163,414	185,125,188
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140	IV.06	86,159,694,831	68,497,043,691
1. Hàng tồn kho	141		87,040,186,610	69,602,496,264
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(880,491,779)	(1,105,452,573)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,976,408,589	2,179,469,860
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.07a	854,667,631	577,548,764
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,121,740,958	1,601,921,096
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		135,392,123,959	133,735,044,765
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	IV.05b	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		131,893,924,774	130,314,830,075
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.08	124,224,893,472	122,471,815,357
- Nguyên giá	222		206,527,394,696	190,471,611,060

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(82,302,501,224)	(67,999,795,703)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV.09	7,669,031,302	7,843,014,718
- Nguyên giá	228		9,231,499,000	9,231,499,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,562,467,698)	(1,388,484,282)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	IV.10	90,000,000	90,000,000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		90,000,000	90,000,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3,408,199,185	3,330,214,690
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.07b	3,408,199,185	3,330,214,690
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		468,345,440,059	383,535,730,304
NGUỒN VỐN			0	0
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		238,472,434,619	168,350,851,097
I. Nợ ngắn hạn	310		205,210,605,319	138,470,851,097
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.11	13,061,480,424	15,811,203,188
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	IV.12	44,931,059,498	1,158,036,096
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.13	855,626,820	686,460,123
4. Phải trả người lao động	314	IV.14	1,162,339,210	836,573,687
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	IV.15	445,664,229	345,226,192
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	IV.16a	220,505,000	481,507,000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	IV.17a	144,533,930,138	119,151,844,811
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		33,261,829,300	29,880,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0

5404
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐOÀN
THỊ
HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	IV.16b	1,578,329,300	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	IV.17b	31,683,500,000	29,880,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		229,873,005,440	215,184,879,207
I. Vốn chủ sở hữu	410	IV.18	229,873,005,440	215,184,879,207
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		205,458,000,000	205,458,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		205,458,000,000	205,458,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24,415,005,440	9,726,879,207
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9,726,879,207	1,627,396,934
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14,688,126,233	8,099,482,273
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		468,345,440,059	383,535,730,304

Lập, Ngày . 20 tháng 01 . . năm 2022 .

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Ngô Ngọc Liên

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Hà Giang

Chủ tịch HĐQT

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Tiên Hoài

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN THỊNH

Áp Mỹ Phú, Xã Tân Phước Hưng, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Quý 4 năm 2024**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2024	Quý 4 năm 2023	Luỹ kế năm 2024	Luỹ kế năm 2023
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.01	159,550,809,069	85,078,145,552	351,153,903,878	298,567,632,409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.02	103,693,680		103,693,680	57,390,470
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		159,447,115,389	85,078,145,552	351,050,210,198	298,510,241,939
4. Giá vốn hàng bán	11	V.03	143,218,972,961	75,891,125,144	307,859,699,586	266,322,122,096
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16,228,142,428	9,187,020,408	43,190,510,612	32,188,119,843
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.04	337,086,049	106,155,673	974,851,634	790,323,765
7. Chi phí tài chính	22	V.05	3,126,426,456	2,892,009,810	11,843,417,542	12,225,343,542
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,085,336,325	2,747,860,427	11,255,833,901	11,715,321,413
8. Chi phí bán hàng	25	V.06	1,403,296,379	1,670,251,700	7,401,616,695	4,935,202,867
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.07	1,574,298,430	1,640,285,914	9,409,261,619	7,582,097,561
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		10,461,207,212	3,090,628,657	15,511,066,390	8,235,799,638
11. Thu nhập khác	31	V.08	180	783,395,440	180	786,127,684
12. Chi phí khác	32	V.09	4,833,289	274,027,589	47,387,013	378,492,053
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(4,833,109)	509,367,851	(47,386,833)	407,635,631
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10,456,374,103	3,599,996,508	15,463,679,557	8,643,435,269
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		523,060,365	291,232,597	775,553,324	543,952,996
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		9,933,313,738	3,308,763,911	14,688,126,233	8,099,482,273
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		483	161	715	461
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		483	161	715	461

Ghi chú: (*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

Ngô Ngọc Liên**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

Trần Hà Giang

Lập ngày 20 tháng 11 năm 2025

Chủ tịch HĐQT

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Phạm Tiến Hoài**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 4 năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		372,995,990,312	315,040,981,767
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(404,395,262,384)	(310,460,041,646)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3,462,616,468)	(2,008,473,558)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(11,247,764,685)	(11,533,109,400)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(548,325,906)	(751,993,386)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		36,356,943,497	53,837,552,093
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17,984,827,958)	(46,439,175,197)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28,285,863,592)	(2,314,259,327)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0	0
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		233,647,278,383	176,580,191,634
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(206,461,693,056)	(173,484,680,496)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		27,185,585,327	3,095,511,138
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1,100,278,265)	781,251,811
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,182,715,514	387,390,423
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		339	14,073,280
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		82,437,588	1,182,715,514

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngô Ngọc Liên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Hà Giang

Lập, Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Chủ tịch HĐQT

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Tiến Hoài

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Thịnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sấy và gia công các mặt hàng nông sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo Công ty có 160 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 136 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ Kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

M.S.D.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 25
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 49,5 năm, Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6.078.922	28.227.291
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.358.666	1.154.488.223
Cộng	82.437.588	1.182.715.514

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng ⁽ⁱ⁾	112.784.712	112.784.712	107.400.000	107.400.000
Cộng	112.784.712	112.784.712	107.400.000	107.400.000

⁽ⁱ⁾ Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cần Thơ đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải Thu bên liên quan	96.318.720	-
Công ty cổ phần Hạnh Nguyên Logistics	96.318.720	-
Phải thu các khách hàng khác	74.816.194.171	
Công ty cổ phần Logistics Nông sản xuất khẩu Tây Nguyên	-	44.121.254.800
Aliments Médaillon Foods Inc.	3.433.674.159	3.274.439.577
World Food and Flavors USA LLC	-	3.130.400.000
Công ty cổ phần STELLA INVEST	49.996.000.000	-
Công ty TNHH Nông Sản Toàn Thiên Ngân	7.271.250.000	-
Các khách hàng khác	14.115.270.012	1.979.872.236
Cộng	74.912.512.891	52.505.966.613

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>3.634.880.000</i>	<i>3.634.880.000</i>
Ông Phạm Tiến Hoài	3.634.880.000	3.634.880.000
Công ty Cổ phần Hạnh Nguyên Logistics	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>161.980.434.075</i>	<i>121.508.084.673</i>
Công ty Cổ phần Nông sản Hữu cơ Agriorganics	101.921.936.245	86.705.755.645
Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí Tiến Đạt	59.705.084.900	33.265.974.900
Các nhà cung cấp khác	353.412.930	1.536.354.128
Cộng	165.615.314.075	125.142.964.673

5. Phải thu ngắn hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	432.341	-	895.000	-
Tạm ứng	93.731.073	-	66.618.036	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	-	-	60.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	57.612.152	-
Cộng	94.163.414	-	185.125.188	-

5b. Phải thu dài hạn khác**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	20.222.736.062	-	17.876.755.233	-
Công cụ, dụng cụ	1.400.185.326	-	1.293.559.488	-
Thành phẩm	65.417.265.222	(880.491.779)	50.432.181.543	(1.105.452.573)
Cộng	87.040.186.610	(880.491.779)	69.602.496.264	(1.105.452.573)

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho cuối năm với giá trị ghi sổ là 87.040.186.610 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	14.199.997	132.211.058
Chi phí bảo hiểm	169.994.307	165.386.510
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	214.543.456	113.537.496
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	455.929.871	166.413.700
Cộng	854.667.631	577.548.764

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	76.779.416	7.950.754

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	460.695.775	625.411.326
Chi phí thuê đất ⁽ⁱ⁾	2.569.142.155	2.632.971.775
Các chi phí trả trước dài hạn khác	301.581.839	63.880.835
Cộng	<u>3.408.199.185</u>	<u>3.330.214.690</u>

⁽ⁱ⁾ Trong đó, chi phí thuê đất trả tiền một lần cho thời hạn 42 năm với số tiền là 2.659.567.450 VND tại xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 525/TB-CTHAG của Cục thuế tỉnh Hậu Giang ngày 22 tháng 8 năm 2023.

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	110.407.652.350	78.869.785.195	1.163.264.424	30.909.091	190.471.611.060
Mua trong kỳ	-	16.021.883.636	-	33.900.000	16.055.783.636
Số dư cuối kỳ	<u>110.407.652.350</u>	<u>94.891.668.831</u>	<u>1.163.264.424</u>	<u>64.809.091</u>	<u>206.527.394.696</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	30.909.091	30.909.091
Giá trị hao mòn					
Số dư đầu năm	35.061.211.590	32.885.493.823	22.181.199	30.909.091	67.999.795.703
Khấu hao trong kỳ	6.127.280.028	7.977.843.596	190.959.852	6.622.045	14.302.705.521
Số dư cuối kỳ	<u>41.188.491.618</u>	<u>40.863.337.419</u>	<u>213.141.051</u>	<u>37.531.136</u>	<u>82.302.501.224</u>
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	75.346.440.760	45.984.291.372	1.141.083.225	-	122.471.815.357
Số dư cuối kỳ	<u>69.219.160.732</u>	<u>54.028.331.412</u>	<u>950.123.373</u>	<u>27.277.955</u>	<u>124.224.893.472</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 113.599.327.989 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ

9. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất, chi tiết như sau:

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	9.231.499.000
Số dư cuối kỳ	<u>9.231.499.000</u>
Giá trị hao mòn	
Số dư đầu năm	1.388.484.282
Khấu hao trong kỳ	173.983.416
Số dư cuối kỳ	<u>1.562.467.698</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	7.843.014.718
Số dư cuối kỳ	<u>7.669.031.302</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Toàn bộ quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 7.669.031.302 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Kết chuyển	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang			
- Chuyển giao công nghệ sấy	90.000.000	-	90.000.000
- Công trình lắp đặt trạm cân điện tử	-	-	-
Cộng	90.000.000	-	90.000.000

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho bên liên quan	935.528.015	-
Công ty cổ phần Hạnh Nguyên Logistics	935.528.015	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	12.125.952.409	15.811.203.188
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Thuận Phát Đắk Nông	-	3.174.367.000
Công ty Cổ phần Vạn Xuân Agri	7.402.864.500	9.434.138.000
Ông Lê Anh Tuấn	1.259.242.000	2.309.242.000
Công ty cổ phần Quốc Tế Thông Đỏ	1.105.533.501	-
Các nhà cung cấp khác	2.358.312.408	893.456.188
Cộng	13.061.480.424	15.811.203.188

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Logistics Nông sản xuất khẩu Tây Nguyên	42.495.695.200	-
Tropextrakt GMBH	-	1.017.115.120
PRECISE TRADING LIMITED	503.721.925	-
A & W FOOD SERVICE (HONG KONG) LTD	970.431.281	130.325.776
Các khách hàng khác	961.211.092	10.595.200
Cộng	44.931.059.498	1.158.036.096

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	548.325.906	775.553.324	548.325.906	775.553.324
Thuế thu nhập cá nhân	137.515.017	139.090.175	196.814.496	79.790.696
Thuế tài nguyên	619.200	8.196.000	8.532.400	282.800
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	686.460.123	925.839.499	756.672.802	855.626.820

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Trái cây chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp	Không chịu thuế
- Các loại nước ép, trái cây sấy khô xuất khẩu	0%
- Sản phẩm chỉ qua sơ chế thông thường (sấy khô) ở khâu kinh doanh thương mại bán cho tổ chức khác	5%
- Nước ép, trái cây sấy tiêu thụ nội địa, gia công mặt hàng nông sản	10%

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 7116887881 chứng nhận lần đầu ngày 29 tháng 10 năm 2015 và chứng nhận thay đổi lần thứ II ngày 25 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, Công ty đăng ký hưởng ưu đãi đầu tư theo trường hợp doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 và Khoản 1, Điều 16, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, cụ thể: Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm kể từ năm phát sinh doanh thu từ dự án (năm 2016), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2024 là năm thứ tư Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	204.238.873	186.000.000
Chi phí hoa hồng bán hàng	109.100.000	61.680.400
Chi phí tiền điện	130.387.324	76.182.800
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.938.032	21.362.992
Cộng	445.664.229	345.226.192

16. Phải trả khác

16a . Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức khác		
Kinh phí công đoàn	18.393.000	366.340.000
Bảo hiểm xã hội	161.058.000	89.454.000
Bảo hiểm y tế	28.422.000	16.101.000
Bảo hiểm thất nghiệp	12.632.000	7.016.000
Khoản phải trả ngắn hạn khác	-	2.596.000
Cộng	220.505.000	481.507.000

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>		
Ông Phạm Tiến Hoài - Phải trả tiền mượn	1.578.329.300	-
Cộng	<u>1.578.329.300</u>	<u>-</u>

17. Vay**17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	133.929.930.138	110.584.844.811
<i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾</i>	99.997.236.938	99.966.964.811
<i>Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾</i>	4.000.000.000	4.090.000.000
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10 Thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	29.932.693.200	6.527.880.000
Vay dài hạn đến hạn trả	10.604.000.000	8.567.000.000
Cộng	<u>144.533.930.138</u>	<u>119.151.844.811</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất và số tiết kiệm của bên thứ ba.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C UPAS phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh chế biến và bảo quản rau quả với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng và bảo lãnh của bên thứ ba.

(iii) Vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 thành phố Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh của bên thứ 3.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

Số dư đầu năm	110.584.844.811
Số tiền vay phát sinh	217.779.778.383
Kết chuyển từ vay dài hạn	10.604.000.000
Số tiền vay đã trả	<u>(194.434.693.056)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>144.533.930.138</u>

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng		
<i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾</i>	31.683.500.000	29.880.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	31.683.500.000	29.880.000.000

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để thanh toán chi phí đầu tư nhà xưởng của dự án nhà máy sản xuất nước trái cây tại địa chỉ ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang với lãi suất 8,29%/năm và 8,4%/năm cố định 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tư, sau đó lãi suất điều chỉnh 06 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 18 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	10.604.000.000	8.567.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	31.683.500.000	29.880.000.000
Cộng	42.287.500.000	38.447.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

Số dư đầu năm	29.880.000.000
Số tiền vay phát sinh	15.107.500.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(12.700.000.000)
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(604.000.000)
Số dư cuối kỳ	31.683.500.000

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư 01/01/2024	205.458.000.000	9.726.879.207	215.184.879.207
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	14.688.126.233	14.688.126.233
Số dư 31/12/2024	205.458.000.000	24.415.005.440	229.873.005.440

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Ông Phạm Tiến Hoài	109.360.900.000	103.360.900.000
Các cổ đông khác	96.097.100.000	102.097.100.000
Cộng	205.458.000.000	205.458.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>		<u>Vốn điều lệ đã góp (VND)</u>	<u>Vốn điều lệ còn phải góp (VND)</u>
	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>		
Ông Phạm Tiến Hoài	109.360.900.000	53,28	109.360.900.000	-
Các cổ đông	96.097.100.000	46,72	96.097.100.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Cộng	205.458.000.000	100	205.458.000.000	-

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.545.800	20.545.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.545.800	20.545.800
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.545.800	20.545.800
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.545.800	20.545.800
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.545.800	20.545.800
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	642.29	13.787,68
Nhân dân tệ (CNY)	-	2.776
Ruble Nga (RUB)	4.395	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 4 Năm nay</u>	<u>Quý 4 Năm trước</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	117.604.016.214	57.702.923.760	223.547.941.714	144.231.074.200
Doanh thu bán thành phẩm	41.822.122.047	26.639.221.792	127.039.834.097	152.858.558.209
Doanh thu cung cấp dịch vụ	124.670.808	736.000.000	566.128.067	1.478.000.000
Cộng	159.550.809.069	85.078.145.552	351.153.903.878	298.567.632.409

2. Giảm trừ doanh thu

	<u>Quý 4 Năm nay</u>	<u>Quý 4 Năm trước</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán	103.693.680	-	103.693.680	57.390.470
Hàng bán bị trả lại	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 4	Quý 4	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Cộng	103.693.680		-	103.693.680	57.390.470

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 4	Quý 4	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	111.227.516.963	56.441.277.403	215.024.190.563	138.550.680.547
Giá vốn của thành phẩm đã bán	31.991.455.998	19.449.847.741	92.835.509.023	127.771.441.549
Cộng	143.218.972.961	75.891.125.144	307.859.699.586	266.322.122.096

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4	Quý 4	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.748.025	5.401.421	6.183.478	9.812.192
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	334.338.024	100.754.252	968.668.156	780.511.573
Cộng	337.086.046	106.155.673	974.851.634	790.323.765

5. Chi phí tài chính

	Quý 4	Quý 4	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.085.336.325	2.747.860.427	11.255.833.901	11.715.321.413
Lỗ do chênh lệch tỷ giá phát sinh	41.090.131	144.149.383	587.576.584	510.022.129
Cộng	3.126.426.456	2.892.009.810	11.843.417.542	12.225.343.542

6. Chi phí bán hàng

	Quý 4	Quý 4	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	463.272.012	426.672.865	1.760.431.633	1.157.176.248
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	34.091.137	32.091.579	113.037.347	356.786.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.204.119.358	1.144.464.623	4.467.998.814	3.052.659.821
Các chi phí khác	201.813.872	67.022.633	1.060.148.901	368.580.483
Hoàn nhập phí trích trước	(500.000.000)	-	-	-
Cộng	1.403.296.379	1.670.251.700	7.401.616.695	4.935.202.867

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4	Quý 4	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	543.475.438	376.439.538	2.112.596.275	1.336.447.644
Chi phí đồ dùng văn phòng	540.127.452	267.589.603	1.803.778.994	843.954.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	887.072.865	832.722.063	3.503.936.081	3.279.758.453
Thuế, phí và lệ phí	-	-	3.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	457.327.987	140.578.496	1.652.271.876	1.750.199.623
Các chi phí khác	146.294.688	22.956.214	333.678.393	365.737.738
Hoàn nhập phí trích trước	(1.000.000.000)	-	-	-
Cộng	1.574.298.430	1.640.285.914	9.409.261.619	7.582.097.561

8. Thu nhập khác

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Thu từ khoản nợ năm trước	-	783.365.440	-	783.365.440
Thu tiền thanh lý công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Thu nhập khác	180	-	180	2.762.244
Cộng	180	783.395.440	180	786.127.684

9. Chi phí khác

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Chi phí tổn thất tài sản không được bồi thường	-	-	-	20.726.020
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	4.803.211	253.718.289	9.427.561	255.947.863
Phạt chậm nộp, truy thu thuế thuế	30.078	20.309.300	37.959.452	101.818.169
Chi phí khác	-	-	-	1
Cộng	4.833.289	274.027.589	47.387.013	378.492.053

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	73.561.535.753	87.146.141.763
Chi phí nhân công	16.656.610.166	10.982.364.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.476.688.937	12.834.219.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.580.733.976	16.666.573.209
Chi phí khác	1.405.023.294	770.565.221
Cộng	126.680.592.126	128.399.864.600

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với thành viên Hội đồng quản trị:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thành viên Hội đồng quản trị		
Mượn tiền	13.700.514.483	17.062.849.114
Trả tiền mượn	12.122.185.183	17.136.849.114
Ứng trước tiền mua tài sản	3.634.880.000	3.634.880.000

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	Tiền lương	Thưởng	Cộng thu nhập
Hội đồng quản trị	693.150.000	-	693.150.000
Ban Kiểm soát ⁽ⁱ⁾	100.554.197	-	100.554.197
Cộng	793.704.197	-	793.704.197
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ trước			
Hội đồng quản trị	876.000.000	-	876.000.000
Ban Kiểm soát	106.538.000	-	106.538.000
Cộng	982.538.000	-	982.538.000

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/TT6/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/12/2024 của Công ty CP Tập đoàn Tiến Thịnh bãi nhiệm ban kiểm soát do thay đổi mô hình tổ chức quản lý của công ty.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Hạnh Nguyên Logistics	Cùng người đại diện pháp luật

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan khác. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần Hạnh Nguyên Logistics</i>		
Phí lưu kho	6.924.202.063	3.669.961.772
Phí kéo container, dịch vụ	1.666.325.952	615.850.050
Bán các sản phẩm sậy	96.318.720	

Hậu Giang, ngày 01 tháng 01 năm 2025

Ngô Ngọc Liên
Người lập

Trần Hà Giang
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hoài
Chủ tịch Hội đồng quản trị

